Name: _____ **Date:** …./…./20....

Class: S4 **Tel:** 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 4

UNIT 4 – FOOD: VOCABULARY 1

❖ Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có): con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	cheese (n)	pho mát	10	seed (n)	hạt, hạt giống
2	mushroom (n)	nấm	11	jam (n)	mứt
3	papaya (n)	quả đu đủ	12	crunchy (adj)	giòn (phát ra âm thanh lớn khi nhai)
4	cress (n)	cải xoong	13	fresh (adj)	tươi mới
5	okra (n)	đậu bắp	14	delicious (adj)	ngon
6	courgette (n)	bí ngòi	15	grow (v)	trồng
7	raspberry (n)	quả mâm xôi	16	rinse (with water...) (v)	rửa sạch (với nước…)
8	dragon fruit (n)	quả thanh long	17	press (v)	nhấn, ép, ấn
9	durian (n)	quả sầu riêng	18	fold (v)	gấp

❖ Lưu ý: n = Noun: Danh từ, v = Verb: Động từ, adj = Adjective: Tính từ

❖ Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có): con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Choose the correct answer.

0. Eat plenty of _____ fruits and vegetables.

(A.) *fresh* B. *fold* C. *jam*

1. This _____ is fresh and sweet. It's my favourite fruit.

A. cheese B. delicious C. papaya

2. In Vietnam, we usually use _____ to make soup.

A. dragon fruit B. cress C. durian

3. Colourful _____ might be toxic *(có độc)*.

A. mushrooms B. press C. crunchy

4. Bananas are soft, but cereals are _____.

A. durian B. crunchy C. jam

5. _____ is a small soft red fruit.

A. Raspberry B. Cheese C. Papaya

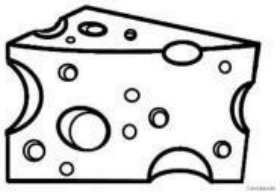
LIVEWORKSHEETS

II. Sort the letters and write the words under the pictures.



0. drogan uifrt

➔ ***dragon fruit***



1. eeesch

➔ _____



2. ushmmoor

➔ _____



3. rrraspybe

➔ _____



4. rako

➔ _____



5. oucgerett

➔ _____

III. Fill in the blank.

*0. Eat plenty of **f r e s h** fruits and vegetables.*

1. Who cooked this? It is very **d** __ __ **i** __ **i** __ __ **s!**

2. I **f** __ __ **d** the letter and put it in my bag.

3. **R** __ **n** __ **e** the cooked pasta with boiling water.

4. You need to **p** __ **e** __ **s** this button to play.

5. My brother hates the smell of **d** __ **r** __ __ **n.**

IV. Fill in the blank using words from the box.

~~fresh~~	rinse	grow	seeds	jam	crunchy

*0. Eat plenty of **fresh** fruits and vegetables.*

1. You should _____ the vegetables with water before you cook.

2. We usually don't eat _____.

3. James put some _____ on the bread and brought it to work.

4. I want to know how to _____ an apple tree.

5. The popcorn is so _____! I can't stop eating them.

LIVEWORKSHEETS

Helen is talking to a man about his castle. What does the man say?

Read the conversation and choose the best answer.
Write a letter (A–H) for each answer.

You do not need to use all the letters. There is one example.

Example



Helen: Please can I ask you some questions about your castle? It's for my homework.



Man: C

Questions

1 

Helen: Your castle is lovely! Have you lived here for a long time?



Man: .....

2 

Helen: Does the castle have an interesting history?



Man: .....

3 

Helen: Have you ever felt afraid in the castle?



Man: .....

4 

Helen: Lots of people visit your home, don't they?



Man: .....

5 

Helen: Who cleans the castle?



Man: .....

LIVEWORKSHEETS



A My wife and I do that for three hours a day. It's a big job.

B I came here when I was four or five years old.

C Of course you can. I'm happy to help. **(Example)**

D Only twice, when I heard strange sounds which I don't like.

E Me too. It's very quiet here because we live in the countryside.

F Oh yes! A famous queen lived here in the sixteenth century.

G I can't remember but it's very old.

H We enjoy having them here and learning about this important place.

LIVEWORKSHEETS

Con nghe bài theo link sau (con lưu ý không tua / chỉnh, chỉ cần bấm và nghe):
https://youtu.be/vz_NwSQWWQc?feature=shared&t=636 **(từ phút 10:37 – 16:52)**

Sally is telling Mr Castle about the people in her family and their jobs. What work do these people do?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



her dad [A]



her mum [ ]



her sister [ ]



her uncle [ ]



her aunt [ ]

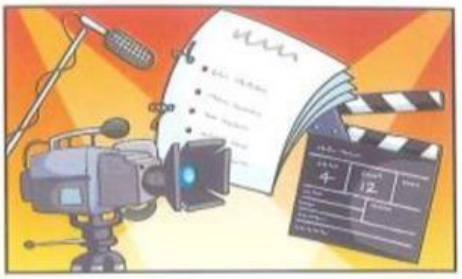


her grandpa [ ]

LIVEWORKSHEETS



A



B



C



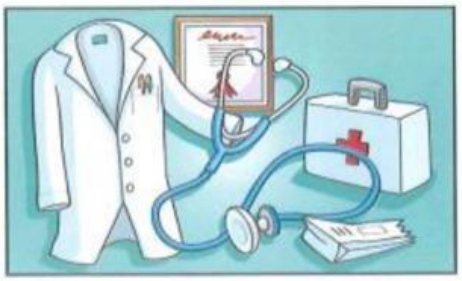
D



E



F



G



H

LIVEWORKSHEETS

I. Complete the table.

No.	Vocab	Meaning	No.	Vocab	Meaning
0	***bedroom***	phòng ngủ	4	**p**_____	mặc vào
1	**c**_____	đầy màu sắc	5	**e**_____	nhà sinh thái
2	**m**_____	bùn	6	**s**_____	nhà sàn
3	**u**_____	rút / tháo phích cắm			

❖ ***Lưu ý:*** *Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở* ***2 dòng****.*

II. Choose the underlined part in each sentence (A, B or C) that needs correcting.

0. I can to swim very well.

A. *I* **B.** *can* **C.** *to swim*

1. We not might go to the party tomorrow night.

A. not might **B.** go **C.** tomorrow night

2. He could to finish his project tonight.

A. could **B.** to finish **C.** his

3. The bags are made from leather.

A. The bags **B.** are **C.** from

4. This yellow toy is made from plastic.

A. toy **B.** from **C.** plastic

5. I bought a pen and some papers writing a note.

A. bought **B.** some papers **C.** writing

LIVEWORKSHEETS